



THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG THAM GIA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Tuấn Kiệt^{1*}, Trần Thị Thu Thảo² và Võ Ngọc Bảo Trân²

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

²Sinh viên K41, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Tuấn Kiệt (email: ntkiet@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 15/04/2019

Ngày nhận bài sửa: 18/07/2019

Ngày duyệt đăng: 30/10/2019

Title:

Current status and directions for promoting scientific research participation of economics students at Can tho university

Từ khóa:

Đại học Cần Thơ, nghiên cứu khoa học, sinh viên Khoa Kinh tế

Keywords:

Can Tho university, economics students, research activity

ABSTRACT

Scientific research (Research) is not only an important factor enhancing the education quality but also creating new knowledge for university students. A total of 345 students of college of Economics, Can Tho University participated in this research. The result indicated that most of the students just know at some degree about research activities for the students in which 14% of the students did not know anything about the research activities, 81% of them heard but did not find out, and the remaining of 5% have some knowledge about the activities. Besides, almost 5% of the students have ever had and been doing some research and the remaining of more than 95% have not ever done it before. This study also found difficulties and factors affecting scientific research activities of economics students. From this study, solutions are proposed to boost the research activities in the students.

TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học (NCKH) không những là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo mà còn là hoạt động tạo ra tri thức mới cho sinh viên (SV) trong các trường đại học. Bài nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 345 SV thuộc các chuyên ngành của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ nhằm phân tích thực trạng NCKH của họ. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều SV chưa biết đến hoạt động NCKH đề tài cấp cơ sở ở các mức độ như sau: có 14% SV không biết đến hoạt động này, 81% SV có nghe nhưng chưa tìm hiểu và 5% SV có nghe và tìm hiểu. Bên cạnh đó, cũng có gần 5% SV đã và đang thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở và có đến hơn 95% SV chưa từng thực hiện nghiên cứu. Nghiên cứu này cũng phát hiện những khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của SV Khoa Kinh tế. Từ nghiên cứu này, các giải pháp để thúc đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV Khoa Kinh tế được đề xuất, góp phần thực hiện tốt chức năng đào tạo của Khoa, nâng cao năng lực nghiên cứu trong học tập của SV và chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào đời sống xã hội.

Trích dẫn: Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Thị Thu Thảo và Võ Ngọc Bảo Trân, 2019. Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5C): 117-125.

1 GIỚI THIỆU

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động được nhiều tác giả định nghĩa. Theo Phạm Việt Vương (2001), “NCKH là một hoạt động đặc biệt của con người. Đây là hoạt động có mục đích, có kế hoạch, được tổ chức chặt chẽ của một đội ngũ các nhà khoa học với những phẩm chất đặc biệt, được đào tạo ở trình độ cao”. Vũ Cao Đàm (1999) định nghĩa “NCKH là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc phát hiện ra bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới hoặc là sáng tạo phương pháp mới, phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo thế giới”. Còn theo Dương Thiệu Tống (2000), “Nghiên cứu khoa học là một hoạt động có hệ thống nhằm đạt được đến sự hiểu biết có kiểm chứng”. Các tác giả đã đưa ra những định nghĩa khác nhau nhưng tóm lại các định nghĩa đều phản ánh được các đặc điểm như sau: NCKH là một hoạt động nhận thức được tổ chức có hệ thống của con người, nhằm phát hiện tri thức mới về bản chất, quy luật của thế giới khách quan và được thực tiễn chứng minh và có vai trò cải tạo thực tiễn.

Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi mà khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia nói chung, của mỗi trường đại học nói riêng. Theo Trung tâm thông tin và Quản trị mạng của Trường đại học Cần Thơ, trong những năm gần đây, hoạt động NCKH của sinh viên (SV) tại các trường đại học được chú trọng đầu tư nhiều hơn, cụ thể năm 2016 Trường Đại học Cần Thơ nhận được 8 giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, trong đó có 1 giải nhì, 3 giải ba và 4 giải khuyến khích. Năm 2017, trường nhận được 7 giải “Sinh viên nghiên cứu khoa học”, trong đó có 4 giải nhì, 2 giải ba và 1 giải khuyến khích. Kết quả trên cho thấy, chất lượng các đề tài của SV Trường Đại học Cần Thơ dần được cải thiện và nâng cao, bằng chứng là các giải thưởng có sự gia tăng về số lượng đề tài nhận giải thưởng ở các thứ hạng cao. Cũng trong năm 2017, Đại học Quốc Gia Hà Nội tổ chức họp 4 hội đồng xét giải cho các công trình NCKH của SV theo 4 lĩnh vực chuyên môn: Nhóm lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đạt 9 công trình, nhóm lĩnh vực khoa học tự nhiên đạt 3 công trình, nhóm lĩnh vực khoa học kỹ thuật- công nghệ đạt 4 công trình, nhóm lĩnh vực khoa học liên ngành đạt 4 công trình và kết quả giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội” được trao tặng cho các SV xuất sắc của những trường đại học trong nước theo cơ cấu: 4 giải nhất, 6 giải nhì và 7 giải ba. Trong đó, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân dân nhận được 4 giải (1 giải nhất, 2 giải nhì và 1 giải ba), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

nhận được 4 giải (1 giải nhất, 1 giải nhì và 2 giải ba), Trường Đại học Công nghệ đạt 3 giải (1 giải nhất, 1 giải nhì và 1 giải ba), Trường Đại học Kinh tế đạt 2 giải (1 giải nhất, 1 giải nhì), các Khoa Luật, Y Dược, Trường Đại học Giáo dục và Trường Đại học Ngoại ngữ đều đạt được 1 giải ba (Đỗ Ngọc Diệp, 2017). Kết quả trên chính là bằng chứng cho thấy được rằng SV của thời kỳ hội nhập luôn chủ động, luôn tìm tòi nghiên cứu và xem việc NCKH đóng một vai trò thiết yếu và hoàn toàn hữu dụng trong đời sống, trong học tập và làm việc.

Thông tin từ website chính thức của Trường Đại học Cần Thơ cho biết, trong năm 2018 Trường có 93 chuyên ngành đào tạo đại học với hơn 30.446 SV hệ chính qui, 15.850 SV hệ vừa làm vừa học, 9.473 SV hệ đào tạo từ xa và 2.861 SV hệ khác (cử tuyển, liên thông, bằng 2...); 34 chuyên ngành cao học và 13 chuyên ngành nghiên cứu sinh với 3.291 học viên. Hàng năm, trường còn tiếp nhận SV từ các trường đại học nước ngoài (Hoa Kỳ, Bỉ, Nhật Bản,...) đến học tại Trường trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác giữa hai bên. Với số lượng hơn 50.000 SV, chỉ có 87 đề tài NCKH cấp trường của SV được phê duyệt thực hiện năm 2016. Trong đó, số đề tài NCKH được phê duyệt cấp Trường của khoa kinh tế là 3 đề tài, chỉ chiếm gần 3,45% tổng số đề tài được phê duyệt cấp trường (quyết định số 1850/QĐ-ĐHCT ngày 08 tháng 06 năm 2016) là tương đối ít. Nhìn chung qua các năm, số lượng SV tham gia NCKH tăng đáng kể, cụ thể: danh mục đề tài NCKH cấp cơ sở do SV thực hiện năm 2017 được duyệt cấp tiêu ban chuyên môn là 129 đề tài. Theo thống kê cho thấy: tiêu ban khoa học tự nhiên có 22 đề tài, tiêu ban khoa học công nghệ và công nghệ thông tin có 25 đề tài, tiêu ban môi trường và tài nguyên thiên nhiên 14 đề tài, tiêu ban khoa học nông nghiệp và công nghệ sinh học 22 đề tài, tiêu ban thủy sản 4 đề tài, tiêu ban khoa học giáo dục 9 đề tài, tiêu ban khoa học xã hội và nhân dân 21 đề tài, tiêu ban khoa kinh tế 10 đề tài, tiêu ban khoa học chính trị và pháp luật 2 đề tài. Tổng kết có 108 đề tài NCKH cấp trường được phê duyệt thực hiện năm 2017 trong số 129 đề tài được phê duyệt cấp cơ sở (quyết định số 1898/QĐ-ĐHCT ngày 28/04/2017). Lượng đề tài cấp cơ sở được phê duyệt của tiêu ban Kinh tế chỉ chiếm 9,26%; tương đương với tỉ lệ 486 SV/1 đề tài. Với số lượng đề tài này chưa tương xứng với quy mô của Khoa Kinh tế (hiện Khoa có quy mô lớn nhất, nhì trong toàn trường). Do đó, nghiên cứu này được thực hiện để thấy rõ hơn tầm quan trọng trong việc tìm hiểu và đưa ra giải pháp thúc đẩy NCKH trong SV Khoa Kinh tế.

Từ số liệu thống kê cho thấy số lượng đề tài NCKH được phê duyệt cấp trường năm 2017 tăng 21 đề tài so với năm 2016. Trong đó, Khoa Kinh tế

chỉ có 2 đề tài NCKH, giảm 1 đề tài so với năm 2016 mặc dù số lượng SV Khoa Kinh tế là đông nhất trường với hơn 5.343 SV hệ chính qui. Khoa Khoa học Tự nhiên có hơn 850 SV hệ chính qui thì có đến 18 đề tài NCKH được phê duyệt cấp trường năm 2017. Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên có hơn 830 SV hệ chính qui thì cũng có đến 16 đề tài được phê duyệt cấp trường. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn với hơn 2.771 SV hệ đào tạo chính qui và có đến 11 đề tài được phê duyệt cấp trường năm 2017. Mức độ tham gia hoạt động NCKH hầu như chưa đồng đều giữa các khoa và các lĩnh vực, đặc biệt thấy rõ ở Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ.

NCKH sẽ khơi dậy cho SV lòng say mê và tình yêu đối với tri thức khoa học, đây có thể là con đường giúp SV khám phá tiềm năng của bản thân. Liệu rằng SV của Trường Đại học Cần Thơ nói chung và SV Khoa Kinh tế nói riêng có nhận thức được tầm quan trọng của NCKH trên giảng đường đại học để những kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng quản lý thời gian, làm việc nhóm, các kỹ thuật tin học,... được trao dồi và phát triển; trong đó, quan trọng nhất là khả năng tư duy phản biện độc lập, sáng tạo, nhìn các sự vật, sự việc ở nhiều khía cạnh khác nhau để có cách hiểu toàn diện nhất. NCKH là “khả năng thực hiện thành công các công trình khoa học trên cơ sở nắm vững các quan điểm, phương

pháp luận, sử dụng thành thạo phương pháp và kỹ năng nghiên cứu”, Phạm Việt Vượng (2001).

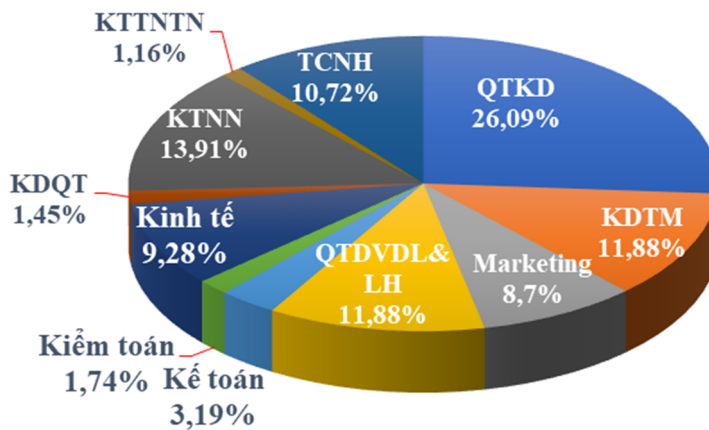
Để làm rõ những câu hỏi trên, việc khảo sát, phân tích thực trạng và tìm ra giải pháp để thúc đẩy hoạt động tham gia NCKH của SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ là rất cần thiết. Kết quả kỳ vọng của nghiên cứu là nâng cao nhận thức của SV Khoa Kinh tế đối với hoạt động NCKH trong nhà trường và tìm ra giải pháp phù hợp làm gia tăng số lượng đề tài NCKH qua các năm cho Khoa Kinh tế, một Khoa lớn của Trường Đại học Cần Thơ.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập số liệu

– Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo trên website chính thức của Trường Đại học Cần Thơ; thông tin, số liệu về SV từ Phòng Công tác SV của trường, thông tin về số lượng đề tài NCKH các cấp trong năm 2016 và 2017 từ Phòng Quản lý Khoa học và các khoa trong phạm vi nghiên cứu.

– Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 345 SV thông qua bảng câu hỏi được soạn sẵn. Đề đại diện cho SV Khoa Kinh tế, đáp viên được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng. Cụ thể, SV ngành Quản trị và Tài chính chiếm tỉ trọng cao nhất trong cỡ mẫu. Cơ cấu mẫu theo ngành học được thể hiện ở Hình 1



Hình 1: Cơ cấu mẫu theo chuyên ngành

Ghi chú: KTNN: Kinh tế Nông nghiệp, KTTNTN: Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên, KDTM: Kinh doanh Thương Mại, KDQT: Kinh doanh Quốc tế, QTKD: Quản trị Kinh doanh, TCNH: Tài chính Ngân hàng.

Phương pháp kỹ thuật phân tích

Để mô tả được thực trạng NCKH của SV, bài viết sử dụng các chỉ số thống kê mô tả như giá trị trung bình (bao gồm độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất), phân tích tần số, biểu đồ thống kê.

Để phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng cũng như xu hướng tham gia NCKH của

SV, bài viết sử dụng thang đo LIKERT 5 mức độ để xác định ý kiến hay thái độ dựa vào đề xuất của Likert (1932). Từ đó tính được giá trị khoảng cách để xác định mức độ ảnh hưởng cho từng tiêu chí, cụ thể như sau:

Ý nghĩa của giá trị khoảng cách cho mỗi tiêu chí đối với thang đo 5 mức độ được xác định bằng công thức:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị khoảng cách} &= \frac{\text{maximum} - \text{minimum}}{n} \\ &= \frac{5 - 1}{5} = 0,8 \end{aligned}$$

Bảng 1: Ý nghĩa của giá trị trung bình cho mỗi tiêu chí

Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1,00 – 1,80	Hoàn toàn không ảnh hưởng
1,81 – 2,60	Không ảnh hưởng
2,61 – 3,40	Trung lập
3,41 – 4,20	Ảnh hưởng
4,21 – 5,00	Hoàn toàn ảnh hưởng

Nguồn: Likert (1932)

Dựa vào các số liệu thống kê về thực trạng cũng như đánh giá của SV về các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng và xu hướng tham gia NCKH của SV, một số giải pháp được đề xuất nhằm thúc đẩy sự

Bảng 2: Mức độ nhận biết của SV đối với hoạt động NCKH

SV biết đến	Mức độ nhận biết					
	Không		Có nghe nhưng chưa tìm hiểu		Có nghe và tìm hiểu	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
NCKH đề tài cấp cơ sở do SV thực hiện	50	14,49	279	80,87	16	4,64
Định hướng đề tài NCKH SV của khoa	120	34,78	211	61,16	14	4,06

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

Kết quả số liệu thống kê ở Bảng 2 cho thấy trong 30 SV có nghe và tìm hiểu đến hoạt động NCKH đề tài cấp cơ sở từ Khoa và trường. Cụ thể các SV này nghe và tìm hiểu được những thông tin về thời gian,

tham gia của SV Khoa Kinh tế vào hoạt động NCKH.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Mức độ nhận biết của SV Khoa Kinh tế đối với hoạt động NCKH

Mức độ nhận biết của SV Khoa kinh tế đối với hoạt động NCKH được thể hiện ở Bảng 2. Số liệu cho thấy một tỉ trọng nhỏ (dưới 5%) trong số 345 SV được khảo sát có nghe và tìm hiểu về hoạt động NCKH trong SV. Tỉ trọng lớn còn lại cho thấy đa phần SV không nghe hoặc có nghe nhưng không có tìm hiểu. Điều này cho thấy mức độ nhận biết của SV kinh tế về các hoạt động NCKH là rất thấp.

quy trình thực hiện, quy trình nghiệm thu, thủ tục tài chính, ... ở mức độ như thế nào được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3: Mức độ hiểu biết về hoạt động NCKH đề tài cấp cơ sở của SV

NCKH được SV biết đến là	Tần số (lựa chọn)	Tỷ lệ (%)
Được hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài	7	38,89
Đề tài hay và thực tế sẽ được Khoa chọn và sắp xếp giảng viên (GV) hướng dẫn	2	11,11
Hoạt động do trường tổ chức	2	11,11
Được cộng 1 điểm vào luận văn tốt nghiệp	1	5,56
Tìm tên đề tài để nghiên cứu	1	5,56
Cùng nhóm nghiên cứu thực hiện một đề tài liên quan đến nội dung học trên lớp	1	5,56
Thu thập số liệu sơ cấp để làm đề tài	1	5,56
Hoàn thành biểu mẫu và các bước theo quy định của trường để gửi bài nghiên cứu	1	5,56
Thực hiện chung với GV hoặc làm tự do để có số liệu làm luận văn	1	5,56
Cách tìm thông tin về tài liệu, phương pháp nghiên cứu, quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu từ anh chị	1	5,56
Tổng	18	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

Kết quả phân tích tần số ở Bảng 2 cho thấy, trong số 16/345 SV chiếm 4,64% có nghe và tìm hiểu đến hoạt động NCKH đề tài cấp cơ sở thì chỉ có 38,89% SV tìm hiểu được hoạt động này được trường cấp kinh phí để thực hiện đề tài; chỉ có 11,11% SV cho rằng có GV hướng dẫn thực hiện đề tài. Như

vậy, mức độ tìm hiểu của đa số các bạn SV Khoa Kinh tế vẫn còn mơ hồ và chưa hoàn toàn nắm rõ về quy trình thực hiện, các thủ tục tài chính cũng như những kết quả và lợi ích đạt được sau khi hoàn thành NCKH.

Truyền thông những thông tin mới nhất về hoạt động NCKH đến với các SV cũng là một trong những vấn đề mà nhà trường và khoa cần phải quan tâm và điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng nắm bắt, cập nhật thông tin của đối tượng để tạo nên sức

hút hơn nữa đối với hoạt động. Qua khảo sát cho thấy những nguồn thông tin mà các SV cập nhật được tình hình hoạt động NCKH được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4: Nguồn thông tin về hoạt động NCKH

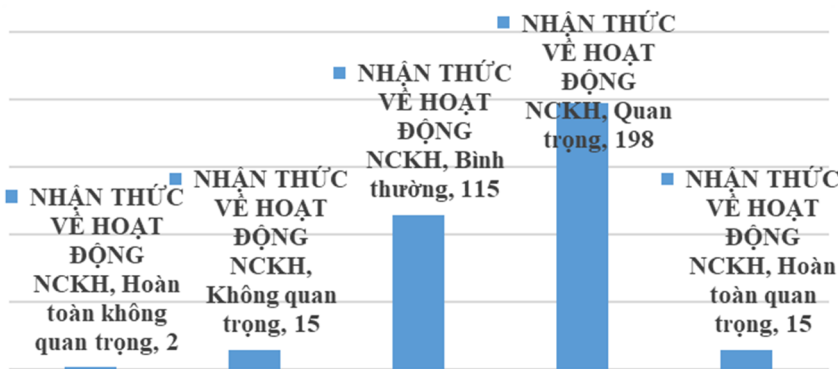
SV tìm thấy thông tin về hoạt động NCKH ở	Tần số (lựa chọn)	Tỷ lệ (%)
Website trường	179	27,33
Nhận được thông tin từ thầy cô	146	22,29
Nhận được thông tin từ bạn bè	130	19,85
Nhận được thông tin từ fanpage Đoàn Khoa Kinh tế	110	16,79
Nhận được thông tin từ Khoa hoặc Đoàn cơ sở	48	7,33
Không nhận được bất cứ nguồn thông tin nào	40	6,11
Khác	2	0,31
Tổng	655	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

Kết quả số liệu thống kê ở Bảng 4 cho thấy, SV thường tìm thông tin về hoạt động NCKH nhiều nhất ở website của trường, vì vậy mà trong thời gian sắp tới truyền thông của trường về hoạt động NCKH nên tập trung nhiều nhất ở website của trường. Ngoài ra, một con số đáng chú ý nhất là số lượng SV không tìm thấy hoạt động NCKH ở bất kì đâu là 40 SV, chiếm 11,59% tổng số SV được khảo sát. Ngoài ra, thông tin về hoạt động NCKH được tìm thấy từ Khoa và Đoàn cơ sở còn chiếm số lượng ít là 48 SV chỉ chiếm 7,33% trong tổng số lượt lựa chọn.

Nhận thức về tầm quan trọng của NCKH

Kết quả khảo sát cho thấy, SV cho rằng hoạt động NCKH là hoàn toàn quan trọng chỉ chiếm 4,30%, tương đương với 15 SV trên tổng số 345 quan sát (Hình 2). Số SV cho rằng NCKH là quan trọng là 198 SV, tương đương với 57,40%, còn lại 38,3% cho rằng NCKH có tầm quan trọng ở mức độ bình thường, không quan trọng và hoàn toàn không quan trọng. Từ kết quả trên cho thấy SV kinh tế chưa có sự đồng bộ trong nhận thức về tầm quan trọng và thực trạng tham gia NCKH.



Hình 2: Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động NCKH trong SV

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

Đánh giá của SV về những khâu gặp khó khăn trong toàn bộ hoạt động NCKH

Những khâu được SV đánh giá là khó khăn trong toàn bộ quá trình hoạt động NCKH được phân tích ở Bảng 5.

Kết quả phân tích ở Bảng 5 cho thấy, có đến 28,55% lựa chọn (thứ bậc 1) cho biết gặp phải khó khăn trong thực hiện nghiên cứu ở khâu tiếp nhận thông tin đề tài, đây lại là khâu quan trọng nhất trong thực hiện đề tài. Bởi nếu không tiếp nhận được

thông tin về đề tài thì sẽ không thể tiếp tục đến các khâu tiếp theo trong nghiên cứu. Khó khăn tiếp đến là ngân sách giới hạn chiếm 18,46% (thứ bậc 2); xét duyệt khó 14,34% (thứ bậc 3); thủ tục nghiệm thu 11,18% (thứ bậc 4); thủ tục tài chính 9,30% (thứ bậc 5); định mức chi tiêu cho hoạt động 9,16% (thứ bậc 6); thời gian đăng ký ngắn 6,64% (thứ bậc 7) và trong đó có các nhận định gặp phải khó khăn ở các khâu khác là 2,39% (thứ bậc 8). Thứ bậc đánh giá trên cho thấy, SV xem đây là những khó khăn cần được sự hỗ trợ hơn nữa trong quá trình thực hiện.

Bảng 5: Những khâu gặp khó khăn khi SV thực hiện NCKH

Khó khăn ở khâu	Tần số (lựa chọn)	Tỷ lệ (%)
Tiếp nhận thông tin về đề tài	215	28,55
Ngân sách giới hạn	139	18,46
Xét duyệt khó	108	14,34
Thủ tục nghiệm thu	84	11,16
Thủ tục tài chính	70	9,30
Định mức chi tiêu cho hoạt động	69	9,16
Thời gian đăng ký ngắn	50	6,64
Khác	18	2,39
Tổng	753	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

3.2 Phân tích nguyên nhân và nhu cầu tham gia NCKH của SV Khoa Kinh tế

Các lý do chưa/ không tham gia hoạt động NCKH

Dựa vào ý kiến nhận định và kết quả thống kê về lý do chưa/ không tham gia hoạt động NCKH của

345 SV được khảo sát cho thấy có tổng số 767 nhận định về các trở ngại khiến các SV chưa có ý định tham gia hoạt động NCKH được tổng hợp thành 8 nhóm lý do chính, trình bày trong bảng câu hỏi khảo sát và tổng hợp tại Bảng 6.

Bảng 6: Ý kiến nhận định về lý do chưa/ không tham gia hoạt động NCKH của SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Ý kiến nhận định	Tần số (lựa chọn)	Tỷ lệ (%)
1 Không có sở trường, đam mê	130	16,95
2 Khó khăn trong việc tìm kiếm và thực hiện phương pháp nghiên cứu	127	16,56
3 Khó khăn trong việc thành lập nhóm cùng thực hiện	119	15,51
4 Khó khăn trong việc thu thập và xử lý số liệu	111	14,47
5 Khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu tham khảo	100	13,04
6 Khó khăn trong việc tìm kiếm giảng viên hướng dẫn	98	12,78
7 Phạm vi đề tài vượt quá khả năng	69	9,00
8 Lý do khác	13	1,69
Tổng	767	100,00

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

Trong số các nguyên nhân thì có 16,95% tương đương với 130 số lượt lựa chọn của SV cho nhận định không có sở trường, đam mê là lý do chiếm tỷ lệ cao nhất. Đứng thứ 2 với tỷ lệ 16,56% là nhận định sự khó khăn trong việc tìm kiếm và thực hiện phương pháp nghiên cứu.

Bên cạnh đó, còn có một số lý do khác mà cụ thể đó là chưa có bạn bè nào đề xuất ý kiến cùng tham gia hay lý do khó khăn trong việc thành lập nhóm cùng thực hiện chiếm 15,51%. Thay vì bạn là chủ nhiệm đề tài và kêu gọi thành lập nhóm cùng thực hiện nhưng ở đây có một số SV mong muốn được tham gia nhóm hơn là tự làm chủ nhiệm đề tài. Hoặc lựa chọn năm cuối để thực hiện cho thấy SV có sự chuẩn bị chu đáo cho một khối lượng kiến thức cơ bản rồi mới tham gia NCKH. Điều này cho thấy mong muốn tham gia hoạt động NCKH của SV Khoa Kinh tế là không nhỏ.

Ngoài các lý do như đã phân tích trên, còn có lý do cần quan tâm, đó là hầu hết SV gặp phải khó khăn trong việc thu thập và xử lý số liệu chiếm 14,47%. Có đến 13,04% lựa chọn cho rằng gặp phải khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu tham khảo, đây cũng là một bước chuẩn bị tương đối quan trọng, bởi nguồn tài liệu tham khảo chính là cơ sở để hình thành ý tưởng nghiên cứu. Song song với khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài liệu tham khảo thì khó khăn cũng quan trọng không kém được SV lựa chọn đó là khó khăn trong việc tìm kiếm giảng viên hướng dẫn chiếm tỷ lệ 12,78% và khoảng 9,00% lựa chọn của SV cho rằng phạm vi đề tài NCKH là vượt quá khả năng của SV.

Quan điểm của SV về các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia hoạt động NCKH

Với thang đo LIKERT 5 mức độ từ thấp đến cao tương ứng từ hoàn toàn không ảnh hưởng đến hoàn

toàn ảnh hưởng, mức độ đánh giá của các đáp viên đối với từng yếu tố được xem xét qua Bảng 7.

Kết quả phân tích thống kê mô tả ở Bảng 5 cho thấy các yếu tố cá nhân, yếu tố trước khi thực hiện đề tài, yếu tố trong khi thực hiện đề tài và yếu tố khác đều được đánh giá ở mức ảnh hưởng bởi số điểm trung bình được đánh giá trên 3,74. Cụ thể:

Đối với nhóm yếu tố cá nhân được cho rằng tuổi và cá tính là 2 yếu tố ở mức trung lập với mức điểm

trung bình được đánh giá trong khoảng 2,61 đến 3,40 điểm. Vậy 2 yếu tố này được SV đánh giá là không ảnh hưởng nhiều, riêng yếu tố giới tính được đánh giá là không ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của SV Khoa Kinh tế với trung bình điểm là 2,26. Yếu tố thành tích học tập được cho là có ảnh hưởng đến quyết định tham gia nghiên cứu với mức điểm trung bình là 3,65.

Bảng 7: Mức độ đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tham gia NCKH của SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

Các yếu tố	Thấp nhất	Cao nhất	Điểm trung bình
Yếu tố cá nhân	1,14	4,71	3,53
Tuổi	1,00	5,00	2,64
Giới tính	1,00	5,00	2,26
Cá tính	1,00	5,00	3,12
Nền tảng kiến thức	1,00	5,00	4,28
Thành tích học tập	1,00	5,00	3,65
Sự yêu thích và mong muốn thực hiện đề tài	1,00	5,00	4,40
Tinh thần, trách nhiệm tích cực/ tiêu cực đối với hoạt động NCKH	1,00	5,00	4,36
Yếu tố trước khi thực hiện đề tài	2,00	4,90	3,86
Các thông tin về hoạt động NCKH	2,00	5,00	4,01
Truyền thông của Khoa, Trường	1,00	5,00	3,61
Sự hợp tác của Khoa, Trường và doanh nghiệp	1,00	5,00	3,87
Định hướng mục tiêu nghiên cứu	1,00	5,00	4,07
Khả năng tiếp cận tài liệu	1,00	5,00	4,18
Kì vọng đặt ra	1,00	5,00	3,89
Lợi ích của hoạt động NCKH đem lại	1,00	5,00	3,91
Khó khăn trong tìm nhóm	1,00	5,00	3,55
Những khuyến khích vật chất tinh thần	1,00	5,00	3,52
Kinh phí được cấp	1,00	5,00	3,97
Yếu tố trong khi thực hiện đề tài	1,71	5,00	4,04
Quỹ thời gian nghiên cứu	1,00	5,00	4,12
Tiến hành NCKH trùng lịch thi	1,00	5,00	4,20
Nhiệt huyết của chủ nhiệm đề tài	1,00	5,00	3,94
Sự hòa hợp giữa các thành viên nhóm	1,00	5,00	4,09
Sự nhiệt huyết của giảng viên hướng dẫn	1,00	5,00	4,05
Các môn trên lớp có nhiều bài tập	1,00	5,00	3,81
Phạm vi đề tài quá sức	1,00	5,00	4,06
Yếu tố khác	2,00	5,00	3,51
Chương trình học	1,00	5,00	3,59
Môi trường nghiên cứu	1,00	5,00	3,87
Điểm rèn luyện	1,00	5,00	3,09
Dùng xét các danh hiệu cá nhân, học thuật	1,00	5,00	3,34
Dùng học tiếp bậc cao hơn	1,00	5,00	3,66

Nguồn: Số liệu khảo sát 345 SV Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ, 2018

Ngoài ra các yếu tố: nền tảng kiến thức (4,28), sự yêu thích và mong muốn thực hiện đề tài (4,40), tinh thần, trách nhiệm tích cực/tiêu cực đối với hoạt động NCKH (4,36) được đánh giá là hoàn toàn ảnh hưởng đến quyết định tham gia nghiên cứu của SV và ở trong khoảng điểm trung bình 4,21 – 5,00. Như vậy, hầu hết SV khoa Kinh tế nhận định rằng nền

tảng kiến thức chính là cơ sở để cho việc nghiên cứu trở nên dễ dàng hơn và phải kết hợp với yếu tố yêu thích và mong muốn thực hiện đề tài bởi khi có sự yêu thích mới trở thành động lực thôi thúc con người thực hiện những mong muốn của bản thân và phải kể đến việc không ngại khó, có tinh thần trách

nhệm. Vì vậy, các giải pháp cần tập trung vào các yếu tố mà đa số SV cho là hoàn toàn ảnh hưởng.

Các yếu tố trong nhóm yếu tố trước khi thực hiện đề tài được đánh giá là ảnh hưởng đến hành động tham gia NCKH của SV với mức điểm trung bình là 3,86. Cụ thể như sau: các thông tin về hoạt động NCKH được đánh giá là ảnh hưởng ở mức điểm trung bình 4,01; truyền thông của khoa/trường với mức điểm trung bình là 3,61; định hướng mục tiêu nghiên cứu với mức điểm 4,07; khả năng tiếp cận tài liệu với mức điểm trung bình 4,18; lợi ích của hoạt động NCKH đem lại (3,91); khó khăn trong việc tìm nhóm (3,55); những khuyến khích về vật chất và tinh thần (3,52); kì vọng đặt ra (3,89); sự hợp tác của khoa/trường/doanh nghiệp (3,87) và kinh phí được cấp là 3,97. Thật vậy, SV cần được truyền thông đầy đủ các thông tin về thời gian, nội dung chi tiết, khả năng tiếp cận tài liệu, những khuyến khích về mặt vật chất lẫn tinh thần cũng như là kinh phí được cấp để thực hiện đề tài. Khi các thông tin này không được truyền thông cụ thể và rõ ràng hơn thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quyết định tham gia nghiên cứu của hầu hết SV.

Các yếu tố trong khi thực hiện đề tài được đánh giá ở mức ảnh hưởng với số điểm trung bình là 4,04. Và được sắp xếp theo thứ bậc như sau: thời gian tiến hành NCKH trùng với lịch thi (thứ bậc 1 – 4,20), quỹ thời gian nghiên cứu (thứ bậc 2 – 4,12), sự hòa hợp giữa các thành viên trong nhóm (thứ bậc 3 – 4,09), phạm vi đề tài quá sức (thứ bậc 4 – 4,06), sự nhiệt huyết của giáo viên hướng dẫn (thứ bậc 5 – 4,05), nhiệt huyết của chủ nhiệm đề tài (thứ bậc 6 – 3,94), các môn trên lớp có nhiều bài tập (thứ bậc 6 – 3,81).

Trong nhóm các yếu tố khác có yếu tố thực hiện NCKH để được cộng điểm rèn luyện (3,09) và dùng xét các danh hiệu cá nhân, học thuật (SV 5 tốt, Sao tháng giêng,..) (3,34) được đánh giá là yếu tố trung lập, cho thấy 2 yếu tố này không được SV quan tâm, chú trọng. Yếu tố chương trình học (3,59), môi trường nghiên cứu (3,87) cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến quyết định NCKH của SV khoa Kinh tế với mức điểm trung bình trong khoảng 3,41 – 4,20 bởi chương trình học nhiều và có nhiều môn khó khăn và môi trường nghiên cứu thiếu sự cộng tác, hay thiếu sự hỗ trợ thì SV sẽ không đủ thời gian, tinh thần và sự quyết tâm để thực hiện đề tài.

3.3 Giải pháp để thúc đẩy sự tham gia NCKH của SV kinh tế

Qua kết quả phân tích, một số giải pháp để thúc đẩy sự tham gia NCKH của SV kinh tế được đề xuất như sau:

Cung cấp cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật và tài liệu nghiên cứu

Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật và tài liệu nghiên cứu là nhân tố quan trọng đặc biệt góp phần thúc đẩy hoạt động NCKH của SV vì điều kiện này giúp cho hoạt động NCKH của SV trở nên dễ dàng hơn. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu là kinh phí, phòng thư viện với nguồn tài liệu phong phú đa dạng về chủng loại sách, báo, tài liệu tham khảo, chuyên khảo... NCKH luôn cần có công cụ hỗ trợ là các phương tiện thông tin hiện đại. Chính các phương tiện kỹ thuật hiện đại đảm bảo cho quá trình nghiên cứu đạt tới độ chính xác cao. Máy tính giúp người nghiên cứu thực hiện thống kê, lập mối quan hệ giữa các số liệu thu thập được, kiểm nghiệm các giả thuyết, tiến hành các phép thử và loại bỏ những sai lầm, tính toán trên cơ sở các dữ liệu. Hệ thống máy tính nối mạng, giúp người nghiên cứu truy tìm hay khai thác dữ liệu.

Thông qua các môn học để truyền đạt các kỹ năng về NCKH cho SV

Các kỹ năng và kiến thức liên quan đến NCKH cần được lồng ghép vào các học phần để cung cấp cho SV. Một số ví dụ điển hình như: tạo tư duy phân biện cho SV để từ đó phát triển vấn đề nghiên cứu cũng như các phương pháp tiếp cận và phân tích cho vấn đề nghiên cứu trong kinh tế.

Giảng viên- người hướng dẫn SV NCKH cần có khả năng NCKH

Trong hoạt động NCKH của SV, GV là người hướng dẫn khoa học, họ trực tiếp tổ chức và điều khiển hoạt động sáng tạo cho SV. Kết quả NCKH của SV phụ thuộc một phần vào năng lực và kinh nghiệm hướng dẫn của giảng viên. Muốn làm được điều đó, GV phải là người có năng lực NCKH. Với năng lực của mình, họ sẽ giúp SV phát triển được tư duy sáng tạo, thói quen NCKH.

4 KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động NCKH để tài cấp cơ sở của SV khoa Kinh tế về số lượng còn rất hạn chế. Sự hiểu biết và nắm bắt thông tin của sinh viên đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên ở cấp Khoa và Trường còn rất khiêm tốn. Những yếu tố từ đặc điểm cá nhân, các yếu tố trước khi thực hiện đề tài, yếu tố trong khi thực hiện đề tài, yếu tố khác, cũng như cách phân bổ quỹ thời gian của SV được xem xét để giải thích cho thực trạng trên.

Ngoài ra, kết quả phân tích cho thấy còn nhiều SV có nhận định về tầm quan trọng và sự hiểu biết về hoạt động NCKH là tương đối thấp. Nhiều SV chưa có sự hợp lý trong việc phân bổ thời gian của

minh dẫn đến việc thờ ơ, thiếu quan tâm đến những thông tin chung về các đề tài nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Quyết định số 1850/QĐ-ĐHCT, ngày 08 tháng 06 năm 2016 về việc “Phê duyệt danh mục đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường do Sinh viên thực hiện năm 2016”

Quyết định số 1898/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 04 năm 2017 về việc “Phê duyệt danh mục đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường do Sinh viên thực hiện năm 2017”.

Dương Bùi, 2013. Việt Nam tụt hậu 50 năm so với Thái Lan về công bố khoa học, ngày truy cập 12/4/2018. Địa chỉ <http://vnexpress.net/gl/khoahoc/2013/01/viet-nam-tut-hau-50-nam-sovoi-thai-lan-ve-cong-bo-khoa-hoc/>.

Dương Thiệu Tống, 2000. Suy nghĩ về văn hóa, giáo dục Việt Nam. Nhà xuất bản trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, 95 trang.

Đỗ Ngọc Diệp, 2017. 17 công trình giành Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp ĐHQGHN năm 2017, ngày truy cập 15/3/2019. Địa chỉ <https://vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N21033/17-cong-trinh-gianh-Giai-thuong-sinh-vien-nghien-cuu-khoa-hoc-cap-dHQGHN-nam-2017.htm>

Likert R. A., 1932. Technique for the measurements of attitudes. Archives of psychology, 140(22):5-55.

Phạm Viết Vượng, 2001. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: giáo trình dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh. NXB Đại Học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 199 trang.

Vũ Cao Đàm, 1999. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học(xuất bản lần thứ 5). NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 177 trang.